TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Sự biến mất của đạo Phật tại Iran

ISSN: 2734-9195 08:25 25/10/2026

Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang đã đi theo tuyến đường phía bắc từ Trung Quốc sang Ấn Độ tương đối bình an, nhưng trên đường trở về, ông đã đi theo tuyến đường phía nam và suýt chết đuối hai lần, mất cả con voi cùng nhiều vật phẩm quan trọng mang từ Ấn Độ về.

Tìm hiểu về Phật giáo và lịch sử phát triển của đạo Phật, tôi đã có duyên đọc hai tác phẩm có mối liên hệ sâu sắc, một cuốn viết về hành trình của Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang, và một công trình nghiên cứu mới của học giả Richard Foltz mang tựa đề Religions of the Silk Road: Premodern Patterns of Globalization (Các tôn giáo trên Con đường Tơ lụa: Các mô hình toàn cầu hóa thời tiền hiện đại).

Dù dung lượng và số trang không quá dày, nhưng tác giả đã giúp bạn đọc giải mã về câu hỏi lớn trong lịch sử Phật giáo: Ánh đạo vàng Phật giáo đã từ đất Phật Ấn Độ đến Trung Hoa bằng những con đường nào?



Khởi đầu, chúng ta có thể hình dung về con đường Tơ lụa huyền thoại từ Ấn Độ sang Trung Hoa, nơi đạo pháp đơm hoa kết trái, rạng rỡ soi đường cho các quốc gia Đông Á khác (như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam,...). Thế nhưng, bức tranh tổng thể ấy vẫn còn ẩn giấu biết bao nét chấm phá tinh tế chưa được tỏ bày. Nhờ ánh sáng từ hai tác phẩm trên, những uẩn khúc lịch sử dần hiện ra rõ nét, mang đến cho người lữ khách tri thức không ít điều kỳ diệu và bất ngờ.

Dọc dài theo năm tháng, bao vương quốc và tộc người từng luân phiên “trấn thủ“ con đường Tơ lụa, mang theo những sắc thái văn hóa đặc thù. Song, ẩn sâu bên dưới lớp vỏ bời bời biến động ấy lại là một cội nguồn chung mang đậm dấu ấn “Iran”. Chữ “Iran” ở đây không đồng nhất với biên giới quốc gia Iran hiện đại, mà là một không gian nguồn cội bao trùm, quy tụ các dân tộc như Ba Tư, Sogdiana, Parthia và cả dòng dõi Ấn-Aria, trong đó có Bậc Đạo sư Vĩ đại Tất-đạt-đa Cồ-đàm (Siddhartha Gautama).

Họ có chung mạch nguồn huyết thống, cùng chung dòng ngôn ngữ hệ Iran có họ hàng mật thiết, quan trọng hơn cả là những truyền thống tâm linh, tín ngưỡng tương thông, nền tảng ấy đã âm thầm nhào nặn, bồi đắp và dung dưỡng những dòng chảy tôn giáo mới mà họ có cơ duyên tiếp xúc.

Con đường Tơ lụa là gì?



Kaidor, CC BY-SA 4.0, qua Wikimedia Commons

Con đường Tơ lụa thực chất là một mạng lưới các tuyến đường thương mại kết nối Trung Quốc với Ấn Độ, Ba Tư, vươn xa hơn nữa đến Cận Đông và cả tới châu Âu. Có nhiều tuyến đường chứ không phải là một con đường đơn lẻ, và các thương nhân thường không đi trọn vẹn toàn bộ chiều dài tuyến đường đó. Thay vào đó, các thương nhân thường sử dụng một "hệ thống chuyển tiếp" để đưa hàng hóa đến các thành phố lớn dọc theo con đường để kết nối thành mạng lưới giao thương. Cùng một loại hàng hóa, có thể được vận chuyển tiếp bởi một thương nhân khác ở nơi khác, cứ thế tiếp diễn.

Ví dụ, giữa Ấn Độ và Trung Quốc có ba tuyến đường chính, trong đó có hai tuyến đi qua Trung Á: tuyến đường "phía bắc" dài hơn nhưng tương đối an toàn hơn, chạy dọc phía bắc sa mạc Taklamakan; và tuyến đường "phía nam" ngắn hơn nhưng rủi ro hơn do có núi non, những con sông hay lũ lụt và sa mạc.

Trong chuyến hành trình nổi tiếng của mình, Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang đã đi theo tuyến đường phía bắc từ Trung Quốc sang Ấn Độ tương đối bình an, nhưng trên đường trở về, ông đã đi theo tuyến đường phía nam và suýt chết đuối hai lần, mất cả con voi cùng nhiều vật phẩm quan trọng mang từ Ấn Độ về.

Trong khi đó, tại thành phố cổ Palmyra ở Syria, người ta đã tìm thấy những xác ướp được quấn trong vải lụa Trung Quốc.

Dù sao đi nữa, hoạt động buôn bán nhộn nhịp qua lại liên tục ấy cũng thu hút cả những người không làm kinh tế. Các vị Sứ giả Như Lai, du khách thập phương hành hương và những kẻ tìm vận may đôi khi cũng đồng hành cùng các đoàn

buôn. Các thành phố và vương quốc dọc theo Con đường Tơ lụa thường chào đón những con người như vậy bởi vì họ giúp kết nối địa phương với các nền văn hóa quan trọng như Ba Tư, Ấn Độ và Trung Quốc, đồng thời giúp nâng cao uy thế của các thành phố quê hương. Với uy thế và nền văn hóa lớn mạnh hơn, một vương quốc như vậy có thể trở nên thịnh vượng vượt lên trên các đối thủ.

Tại sao Phật giáo lại lan rộng trên cung đường Tơ lụa?

Lý do ban đầu có lẽ là vì thương mại. Các nhà cai trị dọc theo Con đường Tơ lụa thường bảo trợ cho các vị Sứ giả Như Lai, du khách thập phương hành hương bằng cách xây dựng tu viện và thành lập các cộng đồng Phật giáo mới. Điều này góp phần tạo ra nguồn quyên góp cho nền kinh tế địa phương, đồng thời nâng tầm văn hóa và uy thế của thành phố, qua đó thúc đẩy kinh tế phát triển hơn nữa.

Chẳng hạn, tại thành phố Balkh (nay thuộc Afghanistan), Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang đã tìm thấy tới 100 tu viện và 3.000 tăng sĩ ở đây vào thế kỷ thứ VII.

Trên thực tế, cư dân bản địa có lẽ không cải sang đạo Phật ồ ạt, mà thay vào đó, tôn giáo này có thể đã hòa quyện với các truyền thống tôn giáo sẵn có. Hơn nữa, khi Phật giáo suy tàn, các tôn giáo sau đó như Cảnh giáo (Nestorian Christianity), một nhánh Kitô giáo Đông phương cổ xưa, phát triển mạnh mẽ tại Đế quốc Ba Tư (Sassanid) và từng lan truyền rất rộng sang châu Á, bao gồm cả Trung Quốc thời nhà Đường, đạo Manichae (Manichaeism), một tôn giáo cổ đại do nhà tiên tri Mani sáng lập vào thế kỷ thứ 3 tại Ba Tư (Lưỡng Hà) và đạo Hồi cũng lan rộng theo cách tương tự. Đó là một mô hình lặp đi lặp lại: ai kiểm soát thương mại thì kẻ đó chi phối xu hướng tôn giáo của khu vực.

Họ đã truyền bá loại hình Phật giáo nào?

Ba trong số 18 bộ phái Phật giáo nguyên thủy đã lan truyền dọc theo Con đường Tơ lụa bao gồm:

Dòng chảy Đại Chúng Bộ: Tiền đề hướng về Đại Thừa và dấu ấn Bamiyan

Thuở Phật giáo sơ kỳ phân định, Đại Chúng bộ (Mahāsāṃghika) nổi bật như một đóa sen thiêng vươn lên từ dòng chảy truyền thống, mang trong mình nhãn quan siêu việt về đấng Thế Tôn. Nơi đây, Đức Phật không chỉ hiện thân là một con người bằng xương bằng thịt lịch sử, mà đã được tôn vinh là bậc siêu thế (Lokottara) với thọ lượng vô cùng, uy đức trùm khắp pháp giới.

Đồng thời, qua tinh thần của "Năm việc do Đại Thiên đề xuất", năm quan điểm tranh luận về tính chất và giới hạn quả vị A-la-hán, bộ phái này từng bước tháo gỡ những giới hạn phàm tình để đặt ra nghi vấn về vị thế tuyệt đối của các vị A-la-hán, mở ra khoảng trời khoáng đạt cho lý tưởng Bồ Tát đạo vị tha.

Chính tư tưởng đề cao trực giác, tôn kính tột cùng và lý tưởng hóa thân tâm của Đức Phật đã trở thành tiền đề tư tưởng cốt lõi, nuôi dưỡng sự đơm hoa kết trái của Phật giáo Đại thừa mai sau.

Dấu ấn của dòng tư tưởng siêu việt ấy không chỉ dừng lại ở trang kinh điển, mà còn hiển lộ hùng vĩ nơi xứ sở sương mù. Các bậc chân tu thuộc Đại Chúng bộ chính là những bàn tay khối óc đã góp phần kiến tạo nên quần thể tu viện thâm nghiêm và những tôn tượng Phật khổng lồ sừng sững tại thung lũng Bamiyan (Afghanistan) – biểu tượng vĩnh hằng cho lòng tôn kính vô biên đối với đấng siêu thế siêu nhiên giữa lòng cõi thế vô thường.

"Trượng quang soi thấu ngàn mây bạc,
Sen nở Bamiyan vạn thuở ngời".

Pháp Tạng Bộ (Dharmaguptaka): Hạt Giống Từ Bi Gieo Trồng Trên Đất Mẹ Trung Hoa và Trung Á

Thuở dòng thời gian trôi về thế kỷ thứ II trước Tây lịch, từ cội rễ của Hóa Địa bộ (Mahīśāsaka), một đóa sen mang tên Pháp Tạng bộ (Dharmaguptaka) đã rẽ nhánh, khởi đầu cho một sứ mệnh lịch sử vĩ đại, đem chính pháp uyên nguyên bước qua những dặm dài biên ải để truyền bá khắp vùng Trung Á và Đông Á.

Tôn giáo tính của Pháp Tạng bộ tỏa sáng qua nhãn quan tôn kính vô bờ bến đối với đấng Đạo Sư. Đối với họ, vị thế của Đức Phật cao cả đến mức chỉ duy nhất Ngài mới xứng đáng đón nhận sự cúng dường thanh tịnh của thế gian, vượt trên cả hàng ngũ tu sĩ. Dù từng là một trong những bộ phái xương sống và có tầm ảnh hưởng sâu rộng bậc nhất trong giai đoạn hồng thủy của Phật giáo bộ phái rồi dần chìm vào quy luật vô thường của thời gian, dấu ấn mà Pháp Tạng bộ để lại thì trường tồn cùng tuế nguyệt.

Chính nguồn kinh điển quý báu từ phái Pháp Tạng đã trở thành một trong những mạch nguồn nuôi dưỡng Bộ A-hàm (Agama Sutta) trong Đại tạng kinh Trung Hoa – tương đương với Kinh tạng Pali trong dòng Phật giáo Nguyên thủy. Không dừng lại ở đó, hệ thống luật tạng của các tu viện Trung Hoa cũng thắm đượm tinh hoa giới luật từ dòng phái này, đặt nền móng vững chãi cho nếp sống phạm hạnh của chư tăng chốn tùng lâm đông phương.

“Đường mây muôn dặm truyền chánh pháp,
Một đóa Pháp Tạng ngát ngàn thu”.

Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivāda): Đỉnh cao triết học ba đời và dấu ấn trường tồn

Giữa bức tranh đa nguyên của Phật giáo sơ kỳ tại Ấn Độ, Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvāstivāda) sừng sững như một ngọn núi lớn với hệ thống luận tạng đồ sộ, trở thành nền tảng triết lý uyên nguyên dung dưỡng cho vô số trào lưu tư tưởng Đại thừa mai sau.

Tên gọi của bộ phái được chuyển dịch trực từ cụm từ Sarvam asti, xác quyết một lập trường triết học vô cùng độc đáo: “Mọi sự đều có, tất cả các pháp trong ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) đều thực sự tồn tại”. Chính niềm tin kiên định rằng quá khứ, hiện tại và tương lai hiện hữu đồng thời đã khiến họ mang một góc nhìn khác biệt, từng bị xem là “dị giáo” tại Đại hội kết tập kinh điển Phật giáo lần thứ III dưới thời Ashoka Đại đế (vua A-dục).

Thế nhưng, ngoại trừ điểm đặc thù về thời gian tính ấy, đời sống phạm hạnh và nền tảng giới luật của họ vẫn hòa chung dòng chảy với các bộ phái thanh tịnh khác.

Không chỉ dừng lại ở những cuộc tranh biện triết học chốn thâm sơn cùng cốc, di sản của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ còn hiển lộ rõ nét qua dòng thời gian. Phần lớn hệ thống Bộ A-hàm tôn quý lưu truyền đến nay cũng chính là bắt nguồn từ nguồn tư liệu phong phú, uy tín của phái Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ, soi sáng con đường giác ngộ cho bao thế hệ học giả và hành giả muôn phương.

“Ba đời hằng hữu một chân như,
Tuệ giác ngàn thu rạng cõi bờ”.

Phật giáo Đại Thừa (Mahāyāna): Dòng sông lớn dung dưỡng muôn phương và dấu ấn giao thoa Trung Á

Và rồi, dòng chảy lịch sử ấy quy tụ tại một hải hội vĩ đại: Phật giáo Đại thừa (Mahāyāna) – hình thái tâm linh uy nghiêm và phổ quát mà chúng ta đảnh lễ ở khắp chốn Đông Á ngày nay. Vào thuở ban sơ, Đại thừa chưa phải là một tông phái độc lập tách biệt, mà là một không gian hội tụ của những tâm hồn tri kỷ xuất thân từ muôn ngàn bộ phái khác nhau tại Ấn Độ.

Họ tương tác, dung hợp và chuyển hóa lẫn nhau trong tinh thần vô ngã. Tại đó, việc thực hành “các hạnh nguyện Bồ Tát” vị tha độ thế ban đầu vốn như một dòng suối tự nguyện, một pháp tu “ngoại khóa” cao cả mà Tứ chúng (hay bốn

hội chúng Phật tử) là bốn hạng đệ tử lập nên Giáo đoàn hay Giáo hội của đức Phật, bao gồm cả những người xuất gia và cư sĩ tại gia có thể phát tâm dấn thân bên cạnh khuôn vàng thước ngọc của kỷ luật tu viện thông thường.

Hơn thế nữa, những nghiên cứu khảo cổ và văn hóa học hiện đại còn hé lộ một chân trời diệu kỳ: phần lớn hệ thống biểu tượng, hình tượng tôn quý cùng các bộ kinh điển nền tảng của Phật giáo Đại thừa rất có thể đã được trước tác và định hình ngay bên ngoài biên ải Ấn Độ – tại vùng đất Trung Á linh thiêng. Nơi đây, sự gặp gỡ với nền văn hóa Iran cổ đại vốn sở hữu một kho tàng tín ngưỡng, mỹ học và thần thoại phong phú bậc nhất (bao gồm cả tư tưởng uy nghiêm của Hỏa giáo - Zoroastrianism) đã âm thầm góp phần nhào nặn, tô điểm để khai sinh nên một diện mạo Đại thừa rực rỡ, huyền vi mà Phật giáo Đông Á đang thừa hưởng hôm nay.

Một mạch ngầm văn hóa sâu thẳm sẽ còn chờ đợi chúng ta tiếp tục vén màn trong những trang kinh sử ngày mai.

“Trăm sông đổ về nguồn đại trí,
Một cành sen nở ngát muôn phương".

Ai đã truyền bá đạo Phật?

Dọc dài theo dòng chảy lịch sử, có bốn tộc người tiêu dùng tâm huyết gieo mòn bước chân trên Con đường Tơ lụa để đưa ánh đạo vàng lan tỏa muôn nơi; trong đó, có đến ba nhóm mang chảy trong mình dòng máu Iran hùng nguyên:

* ***Người Bactria:*** Tộc người dung hợp tinh tế giữa nền văn minh Phật giáo Ấn Độ và nghệ thuật triết học Hy Lạp uy nghi.

* ***Người Kushan:*** Bậc kế thừa xuất sắc di sản từ người Bactria, mang ánh đạo đi sâu vào lòng nhân thế với quy mô rộng lớn chưa từng có.

* ***Người Sogdiana:*** Những thương hồ kiêm dịch giả bậc thầy, những sứ giả nối liền các nền văn minh bằng nhịp cầu ngôn ngữ.

* ***Người Parthia:*** Tập đoàn hùng mạnh xuất hiện trễ hơn, có công lớn trong việc chuyên chở những kinh điển uyên thâm và các bậc dịch giả lỗi lạc tiến vào Trung Hoa đại địa.

Thuở ban sơ, ánh sáng từ bi ấy khởi hành từ xứ Phật Ấn Độ, vượt biên ải để đến với vương quốc Hy Lạp - Iran thuộc Bactria. Nằm sát bên vùng đất thánh Kashmir – một trung tâm tu học và hoằng pháp lớn của Phật giáo – vương quốc này sở hữu những vị minh quân cởi mở, hoan hỷ đón nhận mọi dòng chảy tư

tưởng tôn giáo. Thành phần nhân dân và ngôn ngữ nơi đây là một sự pha trộn kỳ diệu giữa dòng dắt cư dân Hy Lạp từ thời đại Alexander Đại đế với người bản địa Ấn Độ và Bactria (Iran), đến mức văn tự Bactria thuở ấy còn mượn cả hệ thống chữ cái Hy Lạp để lưu truyền.

Biểu tượng sáng ngời cho tinh thần bao dung ấy chính là vua Menandros hay (Di Lan Đà) là vị hoàng đế vĩ đại nhất của Vương quốc Ấn-Hy Lạp. Dù bản thân chưa chính thức quy y, ngài vẫn một lòng hộ trì phật pháp; và những cuộc vấn đáp minh triết giữa ngài với bậc cao tăng đã được lưu giữ bất hủ trong bộ kinh điển Milinda vấn đạo (Questions of King Menander).

Thế nhưng, cơ đồ của Bactria không kéo dài vĩnh cửu. Họ nhanh chóng bị chinh phục bởi người Saka, một nhánh du mục Iran khác – rồi tiếp đến là sự trỗi dậy của người Kushan. Tộc người Kushan có thể là một cộng đồng đa sắc tộc (quy tụ cả dòng dõi Iran và Tochari), đã phục hưng rực rỡ nền văn hóa Hy Lạp - Bactria và mở rộng biên cương Phật pháp ra xa hơn nữa.

Dưới thời Đế chế Kushan vàng son, những tôn tượng Phật mang âm hưởng giao thoa độc đáo với nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp bắt đầu ra đời – đó chính là phong cách nghệ thuật Phật giáo "Gandhara" trứ danh, được đặt tên theo một vùng đất trọng yếu thuộc lòng đế chế.



Tượng Phật theo phong cách “Văn minh Gandhāra”, một vùng đất và nền văn minh Phật giáo cổ đại vĩ đại
nằm ở ngã tư đường nối liền Nam Á, Trung Á và thế giới Địa Trung Hải thuộc văn hóa Hy Lạp - Bactria.
Bảo tàng Quốc gia Tokyo, Phạm vi công cộng, qua Wikimedia Commons)

Vua Kanishka (Ca-nhị-sắc-ca): Đấng Chuyển Luân Thánh Vương Và Dấu Ấn Kỷ Nguyên Mới

Giữa bức tranh hùng vĩ của Đế chế Kushan (Quý-sương), hoàng đế Kanishka (Ca-nhị-sắc-ca) hiện lên như một vị minh quân vĩ đại bậc nhất, một đấng Phật tử thuần thành có tầm vóc và uy ảnh sánh ngang với đức vua Asoka (A-dục vương) của triều đại Maurya thuở nào. Hậu thế tôn vinh ngài như một đại thí chủ hộ pháp tối cao, dẫu trong lòng đại độ ấy, ngài vẫn dành trọn sự kính ngưỡng uy uy nghiêm đối với cả các vị thần thoại Hy Lạp lẫn những đấng linh thần truyền thống của Ấn giáo.

Chính ngài là vị chúa tể đã đứng ra triệu tập Đại hội kết tập kinh điển Phật giáo tại Kashmir, thực hiện một bước ngoặt vĩ đại cho lịch sử tư tưởng: chuyển dịch các văn bản cổ từ thổ ngữ Prakrit bình dân sang tôn ngôn Sanskrit (tiếng Phạn) uy nghiêm, chuẩn mực. Nhờ đó, trí tuệ của Thế Tôn được lưu giữ bền vững qua không gian và thời gian. Không dừng lại ở đó, hoàng đế Kanishka còn dốc cạn tâm tài để kiến tạo vô số tòng lâm, bảo tháp và tu viện khắp cõi bờ vương triều, khiến hậu thế hoan hỷ ca tụng ngài như một vị “A-dục vương thứ hai” giữa cõi ta-bà.

“Ánh đạo vàng soi rạng đất Kushan,
Cột kinh Phạn ngữ ngát ngàn thu”.

Dẫu vậy, cộng đồng để lại dấu ấn sâu đậm nhất trong việc truyền bá Phật giáo lại không phải người Kushan, mà chính là người Sogdiana. Đó là một tộc người Iran nhỏ bé sinh sống quanh vùng Uzbekistan và Tajikistan ngày nay, nổi danh thiên hạ với tài năng thương mại kiệt xuất và tuệ giác dịch thuật siêu quần.



Bích họa từ các hang động Mogao ở tỉnh Cam Túc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.
Bích họa này thể hiện nghệ thuật Phật giáo nhưng khắc họa nhiều sắc dân khác nhau,
bao gồm cả những người không phải gốc Hoa. xiquinhosilva, CC BY 2.0, qua Wikimedia Commons

Vị trí yết hầu dọc theo Con đường Tơ lụa tạo cho người Sogdiana lợi thế giao lưu cùng vô số nền văn hóa lớn, giúp họ thong thả chuyên chở hàng hóa lẫn tư tưởng tâm linh đi khắp chốn. Bên cạnh Phật giáo, họ còn góp phần hoằng dương các tôn giáo lớn khác như Cảnh giáo (Nestorian Christianity), đạo Manichae và đạo Hồi.

Họ uyển chuyển chuyển dịch văn bản qua lại giữa vô vàn thứ tiếng: từ Prakrit sang Bactria, từ Aramaic sang thổ ngữ Thổ Nhĩ Kỳ, hoặc từ Parthia sang tiếng Hán.

Trớ trêu thay, người Sogdiana lại ít khi dịch kinh Phật sang ngôn ngữ mẹ đẻ của chính họ cho đến tận giai đoạn hậu vận (phần lớn đều dịch ngược từ tiếng Trung); điều này phần nào lý giải vì sao Phật giáo dù có hiện diện qua các cộng đồng tu sĩ sùng đạo nhưng lại chưa bao giờ bén rễ sâu xa vào lòng văn hóa thuần túy của người Sogdiana.

Cuối cùng, tập đoàn lớn lao khép lại hành trình đưa Phật giáo tiến vào Trung Hoa chính là người Parthia. Một dòng dõi người Iran hùng tráng khác đã từng khuất phục người Kushan để lập nên Đế chế Parthia huy hoàng. Dưới thời đại

của họ, ánh đạo vàng đã thâm nhập sâu vào tận miền Trung Á. Đơn cử như tại thành phố cổ Merv lừng lẫy (nay thuộc Turkmenistan), các nhà khảo cổ đã tìm thấy vô số văn bản Phật giáo từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ V, sánh vai cùng các cộng đồng Phật giáo tại Shash (Tashkent ngày nay) – minh chứng hùng hồn cho thấy Phật giáo đã vươn đến vùng Tây Bắc Ấn Độ từ rất sớm trước khi xuôi về hướng đông để vào Trung Hoa.

Người Parthia cũng cống hiến cho văn hóa Trung Hoa những bậc dịch giả kỳ tài. Tiêu biểu nhất là ngài An Thế Cao cùng cao đồ An Huyền, những người đã chuyển dịch thành công nhiều bộ kinh điển Phật giáo nền tảng. Chữ “An” (安) thời bấy giờ chính là biểu thị chung cho những người mang huyết mạch Parthia. Thậm chí, dòng máu của tộc người này còn lưu dấu trong cả những bậc cao tăng Trung Hoa lỗi lạc như ngài Cát Tạng, người có thân phụ mang nguyên dòng máu Parthia thuần chất.

Tại sao Phật giáo lại suy tàn trên Con đường Tơ lụa?

Như thuở sơ khai từng chứng kiến, bất cứ thế lực nào nắm giữ mạch sống thương mại trên Con đường Tơ lụa, thế lực ấy lập tức định hình cả diện mạo tôn giáo sắc thái tín ngưỡng của cả một vùng trời. Khi ánh đạo vàng Phật giáo từ bi, trí tuệ dần qua đi thời kỳ cực thịnh, những dòng chảy tâm linh mới như Cảnh giáo (Nestorian Christianity) và đạo Manichae từng bước vươn lên chiếm lĩnh vị thế.

Các thương hồ Ba Tư đã rộng tay bảo trợ cho những tôn giáo ấy, sánh vai cùng quốc giáo lâu đời là Hỏa giáo (Zoroastrianism); và chẳng mấy chốc, bầu khí quyển của Con đường Tơ lụa đã trở nên vô cùng đa dạng, phong phú với muôn vàn sắc thái huyền vi.

Đến khi bánh xe thời gian xoay vần, tôn giáo xuất hiện trễ nhất nhưng lại mang sức mạnh chuyển hóa mãnh liệt chính là đạo Hồi. Vào thời điểm trào lưu Hồi giáo lan đến miền Trung Á, các thương nhân Ả Rập đã nắm trọn quyền thống trị huyết mạch mậu dịch.

Các vị quốc vương và thủ lĩnh bản địa nhanh chóng nhận ra rằng việc cải đạo mang lại những lợi thế chiến lược to lớn để củng cố mối thâm giao chính trị.

Dẫu ở các vùng nông thôn hẻo lánh và chốn thảo nguyên xa xôi, người dân vẫn kiên gan duy trì Cảnh giáo cùng Phật giáo suốt một thời gian dài; thế nhưng, tại các đô thị sầm uất, đạo Hồi và văn hóa Ả Rập lại vươn lên như những vì tinh tú sáng ngời, cuốn hút dòng người quay về hướng đó. Thêm vào đó, tại chính quê hương sinh thành, Phật giáo Ấn Độ lúc bấy giờ cũng đang bước vào chu kỳ suy

thoái trầm trọng, khiến sợi dây liên kết văn hóa và tâm linh với thế giới Phật giáo quốc tế đứt đoạn. Mọi người cứ thế, theo dòng vô thường, dần lãng quên và phai nhạt niềm kính ngưỡng.

Công trình nghiên cứu uyên bác của học giả Foltz đã lật giở một sự thật lịch sử: những trang sử viết về "các cuộc chinh phạt Hồi giáo" thời bấy giờ thường bị phóng đại quá mức. Thực chất, những chiến dịch do các vị vua và lãnh chúa địa phương khởi xướng nhân danh đạo Hồi phần nhiều chỉ là chiếc áo choàng che đậy mục đích mở rộng quyền kiểm soát thương mại hơn là thuần túy vì tôn giáo. Các sử liệu chỉ ra rằng chính sách áp đặt "cải đạo hoặc là chết" hầu như không mang lại hiệu quả thực tiễn và có phạm vi vô cùng hạn chế.

Yếu tố thâm sâu thực sự lay động và thuyết phục cư dân Trung Á bước vào mái nhà đạo Hồi chính là hình ảnh của các nhà truyền giáo Sufi đầy uy lực và sức hút từ bi. Họ chính là những người đã khéo léo thay thế vai trò của các pháp sư (shaman) – những bậc thầy tâm linh từng được các tôn giáo trước đó trọng dụng qua nhiều thế hệ. Cho đến tận ngày nay, đạo Hồi tại Trung Á vẫn mang đậm tính chất dung hợp, uyển chuyển hòa quyện những dư ba của các tôn giáo cũ vào lòng đạo Hồi chính thống. Trong khi đó, một cách trớ trêu thay, Giáo hội Cảnh giáo vẫn kiên cường tồn tại ngay trong lòng thế giới Hồi giáo dưới hình thức Giáo hội Syria ở miền bắc Iraq và một số vùng đất lân cận.



Nhà thờ Thánh Thomas ở Mosul, Iraq, một nhà thờ thuộc Chính thống giáo Syria, được chụp vào năm 2022.

Google Images, CC BY-SA 4.0, qua Wikimedia Commons

Giữa dòng biến thiên khốc liệt của nền kinh tế, sự lụi tàn của Phật giáo tại xứ sở Ấn Độ, cùng sự trỗi dậy đầy nhựa sống của các bậc truyền giáo Sufi, Phật giáo đã tự nhiên buông xả, mai một và khép lại sứ mệnh của mình trên Con đường Tơ lụa – y hệt như số phận thăng trầm của Cảnh giáo và đạo Manichae thuở nào.

Lời kết

Các tộc người gốc Iran tại miền Trung Á từng giữ một vai trò quyết định, mở ra con đường đưa ánh đạo vàng vượt qua biên giới Ấn Độ để đến với Trung Hoa đại địa, lan tỏa khắp Đông Á và âm thầm trường tồn đến tận thế giới hiện đại hôm nay.

Sẽ chẳng thể có những dòng chảy tâm linh thâm sâu như Thiền tông hay Tịnh Độ tông nếu thiếu đi bóng hình và công hạnh của người Sogdiana, người Kushan, người Parthia cùng bao sắc dân viễn xứ khác. Trớ trêu thay, bánh xe vô thường đã cuốn trôi nhiều nền văn hóa rực rỡ ấy vào cõi hư không, thế nhưng di sản trí tuệ và từ bi của họ vẫn đời đời sống mãi, hòa quyện trong mạch nguồn của vô số nền văn minh nhân loại.

Những trang sách được nhắc đến ở phần mở đầu bài viết thực sự là những án thư vô giá, và tri kỷ thiết tha giới thiệu đến bất kỳ ai hữu duyên đang ôm ấp lòng kính ngưỡng với lịch sử Phật giáo muôn màu.

Lời tái bút: Lại là một bài đăng sẻ chia từ không gian blog quen thuộc, nhưng nay đã được chắt lọc, trau chuốt và cập nhật trọn vẹn từng đường tơ kẽ tóc.

(1) Ngay cả nước Cộng hòa Hồi giáo Iran hiện đại cũng chỉ là nốt trầm mới nhất trong bản trường ca vô tận của các triều đại và đấng minh quân, kéo dài từ buổi bình minh của những nền văn minh nhân loại đầu tiên – tiêu biểu như Triều đại Safavid huy hoàng hay Đế chế Achaemenid cổ đại.

(2) Dẫu vậy, không phải tất cả các bậc dịch giả lỗi lạc thuở ấy đều mang dòng máu Parthia: ngài Chi Lâu Gia Tiêm (Lokaksema) là một người Kushan trượng phu, trong khi ngài Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva) lại mang dòng máu lai uy quyền giữa xứ Kashmir và Kucha – một trung tâm hoằng pháp và tu học Phật giáo rực rỡ bậc nhất vào thời đại bấy giờ.

Lời chú thích của tác giả: Bài viết được thực hiện năm 2023, trước khi diễn ra cuộc chiến Hoa Kỳ - Israel và Iran vào tháng 2/2026. Dẫu vậy, Iran và nền văn hóa Ba Tư mang trong mình một di sản trường tồn, phong phú và với tư cách là

một người phản đối chiến tranh, tôi cũng một lòng phản đối cuộc xung đột hiện tại.

Việt dịch & biên tập: **Thích Vân Phong**
Nguồn: **https://nembutsu.cc/2023/05/12/the-lost-iranian-buddhism-a-brief-history-of-the-silk-road/**